

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU T  
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/8/2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2/ Ông Nguyễn Văn Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa:***

Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6/020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều T - sinh năm 1992

Trú tại: Tổ 13, ấp Tua H, xã Đồng K, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

*Bị đơn:* Anh Lê Thanh V - sinh năm 1990

Trú tại: Tổ 19, ấp Tua H, xã Đồng K, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự vắng có đơn)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn K kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2020 và các lời KH trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:* Chị và anh V chung sống với nhau vào năm 2017 không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung được 02 tháng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay, nay không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V,

Về con chung: Không.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết và không nợ ai.

*Tại lời KH ngày 05 tháng 8 năm 2020 bị đơn anh Lê Thanh V trình bày:* Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết

hôn, anh và chị T chung sống với nhau được 04 tháng thì chị T bỏ nhà đi từ đó đến nay, nay anh xác định tình cảm không còn, chị T yêu cầu ly hôn với anh anh đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: không có, nợ chung không.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu K kiện của chị T. Tuyên bố không công nhận chị T và anh V là vợ chồng. Con chung không. Tài sản chung, nợ chung KH không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều T là nguyên đơn, anh Lê Thanh V là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Thanh V chung sống với nhau vào năm 2017, không đăng ký kết hôn, quá trình chị T và anh V sống chung đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau đến nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V. Đối với anh V cũng xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị T, nhưng do chị T và anh V không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên không công nhận chị T và anh V là vợ chồng

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Tài sản chung: Chị T và anh V KH không có, không yêu cầu giải quyết và KH không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố:** Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Thanh V là quan hệ vợ chồng.

**2. Về con chung:** Không có.

**3. Tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết và KH không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007288 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

